

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2022/HS-PT

Ngày 08-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2022/TLPT-HS ngày 26 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Đ.Q.A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2022/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Đ.Q.A**, sinh năm 1986 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp TH 2, xã TT, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Đ.Đ.T (chết) và bà H.T.T; tiền án: không; tiền sự: có 02 tiền sự; tại Quyết định số: 372/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”; tại Quyết định số: 33/2020/QĐ-TA ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng, chấp hành xong ngày 14/9/2021; nhân thân: tại Quyết định số: 1286/QĐ-UBND ngày 13/4/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, đến ngày 09/8/2012, được miễn chấp hành thời gian còn lại tại cơ sở chữa bệnh do bị nhiễm AIDS giai đoạn cuối; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 29/12/2021, Đ.Q.A điều khiển xe mô tô biển số 71B4-xxx.xx đến khu vực xã NT, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để tìm bạn. Khi đến trước nhà của bà N.T.S ở số xxC, ấp x, xã NT, thành phố Bến Tre, Đ.Q.A phát hiện trước sân nhà bà N.T.S có nhiều con chó và nhìn thấy không có ai nên nảy sinh ý định bắt trộm chó bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định, Đ.Q.A cho xe chạy chậm lại và bắt của chị Sanh 01 con chó cái, giống Poodle, màu nâu, lông xoắn, trọng lượng 05 kg để lên бага xe mô tô biển số 71B4-xxx.xx rồi chạy đi. Sau đó, Đ.Q.A đem con chó bắt trộm được của bà N.T.S bán cho người tên M (không rõ họ, địa chỉ) được 2.200.000 đồng. Sau đó, hành vi của Đ.Q.A bị phát hiện và Đ.Q.A đã chuộc lại con chó giao nộp cho Cơ quan Công an.

* Tang vật thu giữ:

- 01 con chó cái, giống Poodle, màu nâu, lông xoắn, trọng lượng 05kg, chó đang mang thai (do Đ.Q.A giao nộp).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Future, màu đỏ đen, biển số 71B4-xxx.xx, số máy: JC76E104xxxx, số khung: RLHJC7632KY03xxxx.

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 103/KL-HĐĐG ngày 21/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre kết luận: 01 con chó cái, giống Poodle, màu nâu, lông xoắn, trọng lượng 05kg, chó đang mang thai, trị giá ngày 29/12/2021 là 7.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho bị hại N.T.S con chó bị chiếm đoạt, hiện bị hại không yêu cầu gì thêm.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2022/HS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Đ.Q.A phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đ.Q.A 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2022, bị cáo Đ.Q.A kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc **áp dụng** hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm. Bị cáo yêu cầu được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đ.Q.A phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của

Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, với mức hình phạt 07 tháng tù là tương xứng nên được giữ nguyên. Bị cáo có nhân thân xấu không đủ điều kiện được hưởng án treo hay áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đ.Q.A 07 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo yêu cầu được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ để điều trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào khoảng 16 giờ ngày 29/12/2021, trước nhà của chị N.T.S ở số xxC, ấp x, xã NT, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Đ.Q.A đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà N.T.S 01 con chó cái, giống Poodle, màu nâu, lông xoắn, trọng lượng 05kg trị giá 7.000.000 đồng. Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản mà Đ.Q.A đã chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đ.Q.A phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: bị cáo có nhân thân xấu, đã bị đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo chưa có tiền án nhưng có 02 tiền sự về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”. Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội khắc phục hậu quả”, “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, bị cáo đang nhiễm AIDS giai đoạn cuối và gia đình có công với đất nước theo quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51

Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 07 tháng tù là phù hợp, bị cáo có nhân thân xấu nên không chấp nhận yêu cầu hưởng án treo hay áp dụng hình phạt khác của bị cáo. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đ.Q.A phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đ.Q.A** 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Đ.Q.A phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Công an thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã TT, h. Mỏ Cày Nam (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh